

Số: 103/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định phân cấp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và một số
nội dung thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh**

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 50/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ các Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và doanh trại;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định phân cấp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và một số nội dung thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định phân cấp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và một số nội dung thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh (sau đây gọi là dự án), bao gồm:

- a) Phân cấp quyết định đầu tư; thẩm quyền quyết định, thẩm định chủ trương đầu tư;
- b) Trình tự, thủ tục thực hiện quy hoạch chi tiết dự án cần bảo đảm bí mật nhà nước;
- c) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế-kỹ thuật;
- d) Thẩm quyền, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh thiết kế xây dựng;
- đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;
- e) Trách nhiệm của Công an đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Đối với việc đầu tư xây dựng công trình an ninh theo hình thức hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình (hợp đồng EPC); thiết kế FEED; thiết kế nhiều bước theo thông lệ quốc tế và các hoạt động xây dựng khác không được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Công an đơn vị, địa phương) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình an ninh* là công trình có kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác sử dụng làm các cơ sở, tiện ích, cấu trúc phục vụ mục đích an ninh.

2. *Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Công an* là Cục Quản lý xây dựng và doanh trại.

3. *Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương* là Phòng Hậu cần hoặc đơn vị có chuyên môn về xây dựng trực thuộc Công an đơn vị, địa phương hoặc bộ phận khác được giao thực hiện hoạt động xây dựng.

4. *Người quyết định đầu tư* là Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp quyết định đầu tư.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính về trình tự, thủ tục, hồ sơ, kết quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát và tiêu cực khác trong đầu tư xây dựng. Không chia nhỏ dự án để áp dụng quy định về phân cấp quyết định đầu tư tại Thông tư này.

2. Chỉ phê duyệt dự án sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, trừ dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương được phân cấp có trách nhiệm thực hiện các thủ tục đầu tư, phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền theo đúng nội dung chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

3. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương được quyết định đầu tư hoặc phân cấp quyết định đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an về các quyết định của mình.

4. Dự án có hạng mục công trình sử dụng thiết kế mẫu do Bộ Công an ban hành phải áp dụng đúng mẫu. Trường hợp không thể áp dụng nguyên mẫu do điều kiện địa hình, quy hoạch hoặc yêu cầu thực tế thì được điều chỉnh sau khi được lãnh đạo Bộ Công an chấp thuận.

5. Công an đơn vị, địa phương và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý hồ sơ, thiết kế, dự toán, thi công, nghiệm thu, bàn giao, khai thác, sử dụng công trình an ninh và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án phải tuân thủ quy hoạch đô thị và nông thôn và quy định của pháp luật khác có liên quan.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình an ninh phải bảo đảm điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHÂN CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN; THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 5. Nội dung, phạm vi phân cấp quyết định đầu tư

Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp Công an đơn vị, địa phương là đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3:

1. Quyết định đầu tư đối với dự án nhóm C theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Đầu tư công (bao gồm cả dự án thành phần, tiểu dự án).

2. Quyết định đầu tư đối với dự án xây dựng trụ sở Công an cấp xã.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định, thẩm định chủ trương đầu tư

1. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định chủ trương đầu tư các dự án sau:

a) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Đầu tư công có sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Bộ Công an quản lý;

b) Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Đầu tư công của Công an đơn vị, địa phương sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an quản lý dành để đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP.

2. Đối với dự án không thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư công hoặc pháp luật có liên quan thì việc chuẩn bị, thẩm định, phê duyệt dự án thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và Thông tư này.

3. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại phối hợp thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định chủ trương đầu tư. Cục Kế hoạch và tài chính báo cáo đề xuất lãnh đạo Bộ Công an thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư; tùy thuộc yêu cầu của từng dự án, thành viên tham gia Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư bao gồm đại diện Cục Kế hoạch và tài chính, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại và các cơ quan có liên quan.

Trường hợp không thành lập hội đồng thẩm định, Cục Kế hoạch và tài chính gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại và các đơn vị khác có liên quan; thời hạn trả lời không quá 07 ngày đối với dự án nhóm A, 05 ngày đối với dự án nhóm B và nhóm C kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Cục Kế hoạch và tài chính.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUY HOẠCH CHI TIẾT DỰ ÁN CẦN BẢO ĐẢM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 7. Trình tự, thủ tục quy hoạch chi tiết dự án cần bảo đảm bí mật nhà nước

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chi tiết dự án là cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc chủ đầu tư dự án.

2. Quy hoạch chi tiết đối với dự án (bao gồm cả quy hoạch chi tiết điều chỉnh) được lập theo quy trình rút gọn không phân biệt quy mô diện tích sử dụng đất của dự án (sau đây gọi tắt là quy hoạch tổng mặt bằng). Việc lập quy hoạch tổng mặt bằng đối với dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Cấp có thẩm quyền chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng của dự án là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo phân cấp tại Thông tư này.

3. Việc chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng của dự án có thể thực hiện trước khi phê duyệt dự án đầu tư hoặc đồng thời với việc phê duyệt dự án đầu tư.

4. Cấp có thẩm quyền chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc kiểm tra, đánh giá thành phần, nội dung hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng làm cơ sở xem xét, chấp thuận. Trước khi chấp thuận, quy hoạch tổng mặt bằng phải được cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân có thẩm quyền tại địa phương có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp với yêu cầu kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực và việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong nội dung quy hoạch; được cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung của quy hoạch tổng mặt bằng; được cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng phù hợp với các ý kiến tham gia. Việc lấy ý kiến chỉ thực hiện đối với các nội dung cần thiết phục vụ xem xét sự phù hợp về kết nối hạ tầng kỹ thuật và tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

5. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền quyết định đầu tư (trừ dự án được quy định tại khoản 6 Điều này), Công an đơn vị, địa phương thụ hưởng công trình phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng và chịu trách nhiệm tập hợp hồ sơ theo khoản 7 Điều này gửi về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để xem xét chấp thuận. Việc gửi hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) có thể thực hiện đồng thời với gửi hồ sơ được quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này hoặc trước khi cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

6. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Công an cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, Công an tỉnh, thành phố thụ hưởng công trình xem xét chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng dự án đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng và hướng dẫn của Bộ Công an.

7. Hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng, định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí hoạt động quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

Mục 3

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

Điều 8. Thẩm quyền và nội dung thẩm định

1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch và tài chính và đơn vị có liên quan thẩm định dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương tổ chức thẩm định đối với dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp quyết định

đầu tư tại Điều 5 Thông tư này. Căn cứ theo tính chất, quy mô của từng dự án, trong trường hợp cần thiết Công an đơn vị, địa phương có văn bản đề nghị Cục Quản lý xây dựng và doanh trại tổ chức thẩm định, thông báo kết quả để Công an đơn vị, địa phương tổ chức phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền quyết định đầu tư, người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn, năng lực phù hợp với tính chất, nội dung của dự án (khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc) thực hiện thẩm định theo quy định tại các khoản 3, 5, 6, 7, 8 Điều 26 Luật Xây dựng. Công an đơn vị, địa phương thụ hưởng công trình có trách nhiệm phối hợp theo quy định tại Thông tư này.

4. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Luật Xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Hồ sơ trình thẩm định

Hồ sơ trình thẩm định dự án gồm: Tài liệu theo quy định tại khoản 5 Điều 31, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; các tài liệu, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu nghiệp vụ đặc thù của lực lượng Công an nhân dân.

Điều 10. Trình tự thẩm định

1. Gửi hồ sơ trình thẩm định:

a) Dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư: Người đề nghị thẩm định lập Tờ trình gửi lãnh đạo Bộ Công an; đồng thời gửi Tờ trình và hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này đến Cục Quản lý xây dựng và doanh trại;

b) Dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp quyết định đầu tư: Người đề nghị thẩm định lập Tờ trình và hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này để trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương;

c) Dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp quyết định đầu tư có hạng mục công trình phải sử dụng thiết kế mẫu của Bộ Công an, nhưng không thể áp dụng đúng mẫu: Người đề nghị thẩm định gửi hồ sơ thiết kế hạng mục công trình không áp dụng đúng mẫu về Cục Quản lý xây dựng và doanh trại để thống nhất phương án thiết kế báo cáo lãnh đạo Bộ chấp thuận làm cơ sở trước khi phê duyệt dự án;

d) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng phải được thẩm tra thiết kế xây dựng làm cơ sở cho việc thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Xây dựng.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định:

a) Từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong trường hợp trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định không đúng với thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Thông tư này hoặc hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) trong trường hợp: Trong thời gian 07 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng) người đề nghị thẩm định không thực hiện bổ sung hồ sơ hoặc trong thời gian nêu trên không thể khắc phục các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết quả thẩm định;

c) Trường hợp từ chối tiếp nhận hoặc tạm dừng thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng trả lại hồ sơ trình thẩm định và có văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận, tạm dừng thẩm định và báo cáo người quyết định đầu tư. Người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại sau khi thực hiện xong các yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

d) Căn cứ tính chất đặc điểm của từng dự án cơ quan chuyên môn về xây dựng lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan. Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng phải lấy ý kiến Cục Kế hoạch và tài chính. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao gửi ý kiến tham gia bằng văn bản trong thời gian không quá 07 ngày đối với dự án nhóm A, 05 ngày đối với dự án nhóm B, nhóm C kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tham gia ý kiến;

đ) Gửi văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định về thời gian thẩm định trong trường hợp hồ sơ đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền quyết định đầu tư, hồ sơ và trình tự thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP. Trong quá trình tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (trừ dự án được quy định tại khoản 4 Điều này), Công an đơn vị, địa phương thụ hưởng công trình phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm định và chịu trách nhiệm tập hợp hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để có ý kiến bằng văn bản về mục tiêu, quy mô đầu tư, thiết kế, tiêu chuẩn, định mức và việc đáp ứng yêu cầu công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân trước khi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Công an cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, Công an tỉnh, thành phố thụ hưởng công trình chủ động trao đổi, phối hợp tham gia ý kiến với cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư và cơ quan, tổ chức có liên quan để các nội dung của dự án đảm bảo tuân thủ quy định, phù hợp với các hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức, thiết kế mẫu, yêu cầu công tác nghiệp vụ và các yêu cầu khác.

5. Thời gian thực hiện thẩm định, việc báo cáo kết quả thẩm định, đóng dấu, lưu hồ sơ thẩm định và phê duyệt dự án sau khi thẩm định được thực hiện theo quy định tại các khoản 8, 9 Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và Bộ Công an.

6. Tờ trình thẩm định theo Mẫu số 01; báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; quyết định phê duyệt dự án theo Mẫu số 09, Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Điều 11. Điều chỉnh dự án

1. Việc điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 46 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15, các khoản 2, 5 Điều 28 Luật Xây dựng, Điều 40 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền quyết định đầu tư mà việc điều chỉnh dự án khác với nội dung Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố thụ hưởng công trình đã có ý kiến thì việc lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh trước khi báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Thông tư này.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh dự án thực hiện như quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Mục 4

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU KHI DỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Điều 12. Quy định về việc lập thiết kế xây dựng

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập thiết kế xây dựng trừ các bước thiết kế xây dựng được giao cho nhà thầu xây dựng lập theo quy định của hợp đồng. Chủ đầu tư phải đảm bảo hồ sơ thiết kế đầy đủ, hợp pháp, phù hợp với dự án được phê duyệt và các quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư hoặc phân cấp quyết định đầu tư, số bước thiết kế cụ thể như sau:

- a) Thiết kế một bước là thiết kế bản vẽ thi công;
- b) Thiết kế hai bước gồm: thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công;
- c) Thiết kế ba bước gồm: thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

3. Đối với các bước thiết kế khác, bao gồm thiết kế FEED hoặc thiết kế nhiều bước theo thông lệ quốc tế việc lập, thẩm định, phê duyệt và các công tác khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an.

4. Tùy theo quy mô, tính chất, yêu cầu về thời gian thực hiện của dự án và

mục tiêu của dự án, người quyết định đầu tư quyết định số bước thiết kế trước hoặc khi phê duyệt dự án.

Điều 13. Thẩm định thiết kế xây dựng

1. Việc thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17 và Điều 18 Thông tư này.

2. Trong quá trình thẩm định, cơ quan tổ chức thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt hoặc yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra làm cơ sở để thực hiện thẩm định trong trường hợp cần thiết.

3. Các công trình được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Thông tư này phải được thẩm tra thiết kế xây dựng làm cơ sở cho việc thẩm định. Việc thẩm tra thiết kế xây dựng được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện việc thẩm tra làm cơ sở cho việc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Các cá nhân tham gia thẩm tra phải đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định;

b) Trong quá trình thẩm định, trường hợp báo cáo kết quả thẩm tra chưa đủ cơ sở để kết luận thẩm định, đơn vị thẩm định được quyền yêu cầu bổ sung, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm tra;

c) Nội dung Báo cáo kết quả thẩm tra quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP. Các bản vẽ được thẩm tra phải được đóng dấu theo quy định tại Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

4. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền quyết định đầu tư: việc thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thực hiện theo pháp luật về xây dựng; Công an đơn vị, địa phương thụ hưởng công trình phối hợp theo quy định của Thông tư này.

Điều 14. Thẩm quyền và nội dung thẩm định thiết kế xây dựng

1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư xây dựng.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt đối với dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp quyết định đầu tư tại Điều 5 Thông tư này và thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thiết kế ba bước do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư. Căn cứ theo tính chất, quy mô của từng dự án, trong trường hợp cần thiết Công an đơn vị, địa phương có văn bản đề nghị Cục Quản lý xây dựng và doanh trại tổ chức thẩm định, thông báo kết quả để Công an đơn vị, địa phương tổ chức phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Đối với các bước thiết kế còn lại (nếu có), chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế theo quy định tại hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với dự án có nhiều công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý chi phí để bảo đảm việc lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế triển khai sau khi dự án được phê duyệt không vượt tổng mức đầu tư, tổng dự toán được duyệt và bảo đảm quy mô, mục tiêu, thiết kế cơ sở được duyệt.

5. Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng thực hiện như sau:

a) Kiểm tra sự đầy đủ các nội dung của hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan; sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có);

b) Kiểm tra, đối chiếu chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế đáp ứng yêu cầu theo quy định;

c) Đánh giá sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt tại bước dự án;

d) Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn với các nội dung sau: Kiểm tra tính đầy đủ về các nội dung đánh giá đảm bảo yêu cầu an toàn công trình quy định tại khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; kiểm tra kết quả đánh giá về sự phù hợp của thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt với yêu cầu tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng;

đ) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường: Đối chiếu, đánh giá sự phù hợp của thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt so với văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy kèm theo hồ sơ đã được đóng dấu thẩm định của cơ quan Công an; Kiểm tra thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; Kiểm tra việc thực hiện thủ tục Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu);

e) Đánh giá sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ;

g) Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ dự toán xây dựng công trình thẩm định; sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định dự toán xây dựng; kiểm tra kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức tư vấn (nếu có); sự phù hợp của việc xác định khối lượng chủ yếu của công tác xây dựng, chủng loại và số lượng

thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế; xác định giá trị dự toán xây dựng công trình theo quy định; phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ xây dựng, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường; phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm định;

h) Kết quả thẩm định phải có các nội dung đánh giá về việc đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung thẩm định theo quy định và kết luận về toàn bộ nội dung thẩm định.

Điều 15. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng

1. Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt, được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ trình thẩm định.

2. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt gồm:

a) Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có) và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy); văn bản chấp thuận quy hoạch tổng thể mặt bằng và các văn bản của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có);

c) Hồ sơ báo cáo khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định;

d) Hồ sơ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

đ) Dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu có liên quan về giá, định mức, báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có) để xác định dự toán xây dựng;

e) Đối với công trình sửa chữa cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình;

g) Các tài liệu khác có liên quan đến thiết kế xây dựng để bảo đảm yêu cầu công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân.

Điều 16. Trình tự thẩm định thiết kế xây dựng

1. Gửi hồ sơ trình thẩm định:

a) Thiết kế xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt: Người đề nghị thẩm định lập Tờ trình gửi Lãnh đạo Bộ Công an; đồng thời gửi Tờ trình và hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Thông tư này đến Cục Quản lý xây dựng và doanh trại;

b) Thiết kế xây dựng do Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phê duyệt: Người đề nghị thẩm định lập Tờ trình và hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Thông tư này để trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định:

a) Từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong trường hợp trình cơ quan chuyên môn về xây dựng không đúng với thẩm quyền theo quy định tại Điều 14, Điều 17 Thông tư này hoặc hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 15 Thông tư này;

b) Tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) trong trường hợp: Trong thời gian 15 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng) người đề nghị thẩm định không thực hiện bổ sung hồ sơ hoặc trong thời gian nêu trên không thể khắc phục các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết quả thẩm định;

c) Trường hợp từ chối tiếp nhận hoặc tạm dừng thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng trả lại hồ sơ trình thẩm định và có văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận, tạm dừng thẩm định và báo cáo người quyết định đầu tư. Người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại sau khi thực hiện xong các yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

d) Căn cứ tính chất đặc điểm của từng dự án, cơ quan chuyên môn về xây dựng lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao gửi ý kiến tham gia bằng văn bản trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tham gia ý kiến;

đ) Gửi văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định về thời gian thẩm định trong trường hợp hồ sơ trình thẩm định thiết kế đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; việc phê duyệt thiết kế xây dựng theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn thực hiện thẩm định; việc đóng dấu, lưu trữ hồ sơ thẩm định được thực hiện như sau:

a) Thời hạn thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của Bộ Công an;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng đóng dấu, ký xác nhận vào hồ sơ thiết kế xây dựng được phê duyệt (gồm thuyết minh, bản vẽ thiết kế và dự toán). Mẫu dấu phê duyệt thiết kế xây dựng theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Việc lưu trữ hồ sơ thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 9 Điều 36 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Điều 17. Phê duyệt thiết kế xây dựng

1. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế xây dựng

a) Người quyết định đầu tư xây dựng phê duyệt thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước;

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế ba bước.

2. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền quyết định đầu tư: việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thể hiện tại quyết định phê duyệt, nội dung phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

4. Trường hợp công trình được lập, thẩm định theo bộ phận công trình, người quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư phê duyệt các nội dung tại khoản 3 Điều này đối với bộ phận công trình được thẩm định. Sau khi kết thúc thẩm định toàn bộ bộ phận công trình, người quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

Điều 18. Điều chỉnh thiết kế xây dựng

1. Các trường hợp được điều chỉnh thiết kế và dự toán:

a) Việc điều chỉnh thiết kế xây dựng được thực hiện trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Xây dựng;

b) Dự toán xây dựng đã phê duyệt được điều chỉnh trong trường hợp điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Xây dựng và trường hợp điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí dự toán xây dựng nhưng không làm thay đổi mục tiêu, quy mô và không vượt tổng mức đầu tư xây dựng của dự án.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư xây dựng:

a) Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng, dự toán xây dựng công trình, tổng dự toán trong các trường hợp sau: Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế cơ sở; điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình; điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt tổng dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư phê duyệt; điều chỉnh thiết kế đối với các thiết kế mẫu công trình giam giữ, công trình nghiệp vụ do Bộ Công an ban hành;

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a Khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương thẩm định trình Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phê duyệt.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp quyết định đầu tư: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương thẩm định trình Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phê duyệt.

4. Việc thẩm tra thiết kế xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

5. Nội dung, trình tự, thủ tục thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng sau khi dự án được phê duyệt thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 14, Điều 15, Điều 16 Thông tư này.

6. Việc điều chỉnh dự toán xây dựng thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đối với công trình, gói thầu trước thời điểm mở thầu, chủ đầu tư thực hiện xác định dự toán xây dựng điều chỉnh theo nội dung điều chỉnh, mặt bằng giá và các quy định tại thời điểm điều chỉnh;

b) Đối với công trình, gói thầu đã ký hợp đồng, chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng điều chỉnh căn cứ vào nội dung hợp đồng xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng; quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại thời điểm điều chỉnh để xác định dự toán xây dựng điều chỉnh theo nội dung điều chỉnh, đảm bảo hiệu quả, mục tiêu, tiến độ của dự án.

7. Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng công trình:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này và hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt đã được thẩm định, phê duyệt;

b) Báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình và lý do điều chỉnh của chủ đầu tư.

8. Thời hạn thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 Thông tư này.

Mục 5**KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG****Điều 19. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng**

1. Đối với công trình thuộc dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư: Cục Quản lý xây dựng và doanh trại kiểm tra công tác nghiệm thu.

2. Đối với công trình thuộc dự án do Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp quyết định đầu tư tại Điều 5 Thông tư này: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an đơn vị, địa phương tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu.

3. Đối với công trình thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền quyết định đầu tư, việc kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo pháp luật về xây dựng; Công an tỉnh, thành phố hoặc đơn vị thụ hưởng công trình có trách nhiệm phối hợp theo quy định.

Điều 20. Nội dung, trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu bao gồm những nội dung sau:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, quản lý an toàn của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng trong thi công xây dựng, từ khi khởi công xây dựng đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP. Riêng đối với thiết bị công trình, cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra sự tuân thủ về việc nghiệm thu lắp đặt, chạy thử thiết bị của chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan;

b) Kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng không thực hiện kiểm tra đối với phần dây chuyền và thiết bị công nghệ theo thiết kế công nghệ.

3. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra không quá 03 lần đối với công trình cấp đặc biệt và công trình cấp I, không quá 02 lần đối với các công trình còn lại trong quá trình từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành công trình, trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc trường hợp chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

b) Căn cứ thông tin khởi công công trình, cơ quan chuyên môn về xây dựng quyết định thời điểm tổ chức kiểm tra và thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra; tổ chức thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và ra văn bản thông báo kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình gửi chủ đầu tư; thời hạn ra văn bản không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra.

4. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Chủ đầu tư gửi 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 207/2026/NĐ-CP tới cơ quan chuyên môn về xây dựng để được kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình quy định tại Điều 24 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trường hợp công trình không được kiểm tra trong quá trình thi công theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thực hiện kiểm tra theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này; ra văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 207/2026/NĐ-CP trong đó nêu rõ việc chấp thuận hoặc không chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư, các tồn tại cần được khắc phục hoặc các công việc phải tiếp tục thực hiện (nếu có). Thời hạn ra văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của Bộ Công an.

5. Trường hợp công trình đã được chấp thuận kết quả nghiệm thu có điều kiện, chủ đầu tư phải báo cáo kèm theo báo cáo của các nhà thầu có liên quan về kết quả thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP đến cơ quan chuyên môn về xây dựng để được xem xét, kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

Mục 6

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 21. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại

1. Chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an quản lý, tổ chức kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn việc thực hiện quy định về hoạt động đầu tư xây dựng công trình an ninh quy định tại Thông tư này.

2. Tham mưu đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an trong tổ chức, thực hiện kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng công trình an ninh.

3. Phối hợp với Cục Công tác chính trị đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an về hình thức khen thưởng và kỷ luật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng của Công an đơn vị, địa phương.

4. Tham gia thanh tra hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình an ninh khi có yêu cầu.

5. Phối hợp thẩm định phần xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng khi được lãnh đạo Bộ Công an giao hoặc khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định.

6. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung phân cấp trong hoạt động đầu tư xây dựng được quy định tại Thông tư này; kiến nghị Chủ đầu tư: thu hồi, khắc phục phần giá trị do quyết định sai của mình (nếu có), điều chỉnh, hủy bỏ các nội dung

quyết định có sai phạm được phát hiện thông qua quá trình kiểm tra; Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an kết quả thực hiện phân cấp hàng năm.

7. Tham mưu đề xuất lãnh đạo Bộ Công an chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng, cho ý kiến về sự cần thiết, địa điểm, mục tiêu, quy mô đầu tư, thiết kế, tiêu chuẩn, định mức, việc đáp ứng yêu cầu về công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân theo quy định tại Điều 7, khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Thông tư này đối với dự án nhóm A, nhóm B. Thời gian nghiên cứu chấp thuận, tham gia ý kiến thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và Bộ Công an.

8. Chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng, tham gia ý kiến về sự cần thiết, địa điểm, mục tiêu, quy mô đầu tư, thiết kế, tiêu chuẩn, định mức, việc đáp ứng yêu cầu về công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân theo quy định tại Điều 7, khoản 3 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Thông tư này đối với dự án nhóm C. Thời gian nghiên cứu chấp thuận, tham gia ý kiến thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và Bộ Công an.

Điều 22. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, tham gia thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng, công tác quản lý chất lượng công trình khi nhận được đề nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

2. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quyết định đầu tư, chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt và báo cáo thẩm định về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để theo dõi, quản lý trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày ký quyết định phê duyệt.

Điều 23. Công an đơn vị, địa phương

1. Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và Thông tư này.

2. Sau khi quyết định các nội dung được phân cấp, trong thời hạn không quá 10 ngày, Công an đơn vị, địa phương phải gửi Quyết định phê duyệt và hồ sơ kèm theo về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để theo dõi, quản lý; đồng thời gửi các Quyết định phê duyệt về Cục Kế hoạch và tài chính để bố trí kế hoạch vốn thực hiện. Báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Hủy kết quả thẩm định, thu hồi quyết định phê duyệt theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Công an. Thu hồi, khắc phục phần giá trị thực hiện do quyết định có sai phạm gây ra (nếu có).

4. Rà soát nhu cầu đầu tư, báo cáo về Bộ (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, Cục Kế hoạch và tài chính) định kỳ trước ngày 15 tháng 6 hàng năm và trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, theo dõi.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Thông tư số 07/2024/TT-BCA ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, ủy quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện một số nội dung về dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa được phê duyệt dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Thông tư này.
2. Đối với dự án đã được phê duyệt dự án, tổng mặt bằng xây dựng công trình đã được chấp thuận, phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp điều chỉnh thì thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Đối với dự án không có yêu cầu bảo đảm bí mật nhà nước, việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và pháp luật khác có liên quan.
3. Đối với dự án đã được phê duyệt dự án nhưng chưa được phê duyệt thiết kế, tổng dự toán trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Thông tư này.
4. Đối với dự án đã được phê duyệt thiết kế, dự toán, tổng dự toán trước thời ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc điều chỉnh thiết kế, dự toán, tổng dự toán thực hiện theo quy định của Thông tư này.
5. Đối với dự án đang triển khai thì việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo quy định của Thông tư này.
6. Đối với hồ sơ đã trình thẩm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và đủ điều kiện thẩm định nhưng chưa có kết quả thẩm định thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-BCA ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an. Trường hợp không đủ điều kiện thẩm định hoặc kết quả thẩm định là chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt thì việc thẩm định thực hiện theo quy định của Thông tư này.
7. Đối với hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế xây dựng, nghiệm thu đã được chấp thuận, thẩm định, phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục có giá trị sử dụng, trừ trường hợp phải điều chỉnh theo quy định của pháp luật.
8. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo nội dung các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

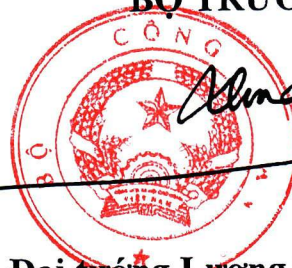
2. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để được hướng dẫn kịp thời. *SK*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, H02.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lương Tam Quang

Phụ lục
CÁC MẪU VĂN BẢN KÈM THEO
(Kèm theo Thông tư số/2026/TT-BCA
ngày/...../2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	MẪU BIỂU	TRÍCH YẾU MẪU BIỂU
1	Mẫu số 01	Tờ trình Thẩm định/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi
2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
3	Mẫu số 03	Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật
4	Mẫu số 04	Tờ trình thẩm định thiết kế/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt
5	Mẫu số 05	Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt
6	Mẫu số 06	Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt
7	Mẫu số 07	Mẫu dấu phê duyệt thiết kế xây dựng

Mẫu số 01. Tờ trình thẩm định/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

Kính gửi: (Cơ quan/đơn vị thẩm định).

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-BCA ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi (Tên công trình/dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
3. Mã định danh (nếu có):
4. Mục tiêu dự án:
5. Quy mô đầu tư:
6. Phạm vi, quy mô công trình trình thẩm định; loại và cấp công trình trình thẩm định, thời hạn sử dụng của công trình trình thẩm định theo thiết kế:
7. Người quyết định đầu tư:
8. Tên cơ quan chuẩn bị dự án và các thông tin đề liên hệ:
9. Địa điểm xây dựng dự án; vị trí xây dựng công trình trình thẩm định; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:
10. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng của dự án; chi phí đầu tư hạng mục công trình trình thẩm định:
11. Nguồn vốn đầu tư:
12. Thời gian thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

13. Đề xuất của đơn vị chuẩn bị dự án về hình thức quản lý dự án:

14. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

15. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu tư vấn lập thiết kế cơ sở:

16. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

17. Nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có):

18. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH^(đối với Tờ trình điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi)

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Lý do điều chỉnh:

III. DANH MỤC HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, tổng mức đầu tư:

3. Danh sách mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (nếu có).

IV. NỘI DUNG KHÁC:

1. Đề xuất về việc chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng/quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh (nếu có):

2. Các nội dung, đề xuất khác (nếu có):

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi (Tên công trình/dự án) với các nội dung nêu tại các Mục I đến Mục III trên đây.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)*

Mẫu số 02. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

Số: /BC-...

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN
(Tên dự án/công trình của dự án)

Kính gửi: *(Tên người quyết định đầu tư).*

Ngày ..., (cơ quan/đơn vị thẩm định) nhận được Tờ trình số ... của ... (cơ quan/đơn vị trình thẩm định) về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ...;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ...;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi thẩm định, *(cơ quan/đơn vị thẩm định)* báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ... như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
3. Mã định danh:
4. Mục tiêu dự án:
5. Quy mô đầu tư:
6. Phạm vi trình thẩm định; loại và cấp công trình trình thẩm định, thời hạn sử dụng của công trình trình thẩm định theo thiết kế:
7. Người quyết định đầu tư:
8. Tên cơ quan chuẩn bị dự án và các thông tin để liên hệ:
9. Địa điểm xây dựng dự án; vị trí xây dựng công trình trình thẩm định; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:
10. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng của dự án; chi phí đầu tư hạng mục công trình trình thẩm định (trường hợp thẩm định đối với một hoặc một số công trình của dự án):
11. Nguồn vốn đầu tư:
12. Thời gian thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):
13. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

14. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu tư vấn lập thiết kế cơ sở:

15. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

16. Nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có):

17. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ pháp lý của các nhà thầu tư vấn và hồ sơ năng lực của các cá nhân tham gia thực hiện dự án:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung thông tin cơ bản của Báo cáo nghiên cứu khả thi, công trình/dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuẩn bị dự án trình thẩm định.

IV. PHẠM VI, CƠ SỞ VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. Cơ sở thẩm định:

2. Phạm vi thẩm định:

3. Nguyên tắc thẩm định:

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia dự án

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án

3. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với chủ trương đầu tư; khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực

4. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế xây dựng; sự phù hợp của thiết kế công nghệ với các yêu cầu của dự án (đối với dự án có thiết kế công nghệ)

5. Danh mục tiêu chuẩn áp dụng, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và việc áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các yếu tố bảo đảm an toàn xây dựng của thiết kế xây dựng; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (nếu có); việc thực hiện thủ tục về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường

6. Các nội dung khác

6.1. Về các hạng mục phá dỡ (nếu có):

6.2. Hình thức quản lý dự án:

6.3. Hình thức đầu tư:

6.4. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

6.5. Tiến độ thực hiện dự án:

7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư:

8. Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án; sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; xác định tổng mức đầu tư xây dựng

VI. KẾT LUẬN

- Đề xuất chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng/quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh (nếu có):

- Báo cáo nghiên cứu khả thi (*tên công trình của dự án/dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

- Tổng hợp các kiến nghị, yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có):

Trên đây là báo cáo của ... (*cơ quan/đơn vị thẩm định*) về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ... (*tên công trình của dự án/dự án*). Kính trình... (*người quyết định đầu tư theo thẩm quyền*) xem xét phê duyệt để có cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị trình thẩm định (*hoặc Chủ đầu tư*);
- Các cơ quan, cá nhân có liên quan;
- Lưu: ...

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi: (Tên người quyết định đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ...;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi thẩm định, (*cơ quan/đơn vị thẩm định*) báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án ... như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

3. Mã định danh (nếu có):

4. Người quyết định đầu tư:

5. Tên cơ quan chuẩn bị dự án và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, ...)

6. Địa điểm xây dựng dự án; vị trí xây dựng công trình trình thẩm định; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

7. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng của dự án:

8. Nguồn vốn đầu tư:

9. Mục tiêu dự án, quy mô đầu tư:

10. Thời gian thực hiện dự án:

11. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

12. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công:

13. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

14. Nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có):

15. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ pháp lý của các nhà thầu tư vấn và hồ sơ năng lực của các cá nhân tham gia thực hiện dự án:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được gửi kèm theo văn bản trình thẩm định của cơ quan chuẩn bị dự án.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công; điều kiện năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia dự án

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án

3. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với chủ trương đầu tư; khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực

4. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế xây dựng; sự phù hợp của thiết kế công nghệ với các yêu cầu của dự án (đối với dự án có thiết kế công nghệ):

5. Danh mục tiêu chuẩn áp dụng, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và việc áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

6. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp đảm bảo an toàn công trình lân cận; đánh giá giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (nếu có); việc thực hiện thủ tục về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường

7. Hình thức quản lý dự án

8. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư

9. Các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án; sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; xác định tổng mức đầu tư xây dựng

V. KẾT LUẬN

- Đề xuất chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng/quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh (nếu có):

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

- Tổng hợp các kiến nghị, yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có):

Trên đây là báo cáo của ... (*cơ quan/đơn vị thẩm định*) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ... (*tên dự án*). Kính trình... (*người quyết định đầu tư theo thẩm quyền*) xem xét phê duyệt để có cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị trình thẩm định (*hoặc Chủ đầu tư*);
- Các cơ quan, cá nhân có liên quan;
- Lưu: ...

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Mẫu số 04. Tờ trình thẩm định thiết kế/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-.....

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

Kính gửi: *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)*.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-BCA ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên tổ chức) trình *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư: *(xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác)*
8. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
12. Các thông tin khác có liên quan:

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi cụ thể nội dung trình thẩm định; trường hợp trình thẩm định theo giai đoạn thì có mô tả toàn bộ quy mô dự án; trường hợp trình thẩm định điều chỉnh thì có mô tả quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình.

III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý: *(liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư này).*

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ *(bước thiết kế kỹ thuật hoặc bước thiết kế bản vẽ thi công được quy định tại Điều 12 Thông tư này)*
- Dự toán xây dựng.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

3. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.

V. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC TẾ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ *(Thực hiện trong trường hợp điều chỉnh thiết kế theo điểm b khoản 7 Điều 18 Thông tư này)*

(Tên tổ chức) trình *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt (tên công trình) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan, cá nhân có liên quan;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 05. Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
Thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt.

Kính gửi: *(Tên Đơn vị đề nghị thẩm định).*

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Tờ trình số ngày tháng... năm ... của ... đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt (nếu có) *(tên công trình)* thuộc dự án đầu tư

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-BCA ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):
3. Loại, cấp công trình:
4. Tên dự án đầu tư xây dựng:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Chủ đầu tư:
7. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
10. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:

11. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:

12. Nhà thầu thẩm định giá (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này)

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này)

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

Liệt kê: Mã số đăng ký kinh doanh của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có).

IV. PHẠM VI, CƠ SỞ VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. *Nêu cơ sở trình thẩm định đối với các trường hợp điều chỉnh thiết kế, giấy phép xây dựng, xử lý vi phạm hành chính.*

2. *Nêu phạm vi thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau dự án được phê duyệt của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các nội dung theo quy định; nguyên tắc thẩm định theo quy định.*

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng. *(thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Thông tư này).*

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế. *(thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 14 Thông tư này).*

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. *(thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 14 Thông tư này; trường hợp thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở có nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở đã được thẩm định thì cơ quan thẩm định ghi cụ thể các nội dung điều chỉnh làm cơ sở nhận xét, đánh giá sự phù hợp. Việc đánh giá là phù hợp khi nội dung điều chỉnh thiết kế triển khai sau khi dự án được phê duyệt đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành).*

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định. *(thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 14 Thông tư này; trường hợp không có thẩm tra thì cơ quan thẩm định kiểm tra tính đầy đủ với các nội dung quy định để nhận xét, đánh giá về bảo đảm an toàn công trình).*

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng (nếu có yêu cầu). *(thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng).*

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt ... (tên công trình/dự án) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/ chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị trình thẩm định (hoặc Chủ đầu tư);
- Các cơ quan, cá nhân có liên quan;
- Lưu: ...

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 06. Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt

(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-BCA ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Theo đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm... và Thông báo kết quả thẩm định số... ngày... tháng... năm ... của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt (tên công trình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt:
2. Tên công trình hoặc từng phần công trình:
3. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):
4. Loại, cấp công trình:
5. Tên dự án:
6. Địa điểm xây dựng:
7. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu thẩm định giá (nếu có):

11. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):

12. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:

13. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:

14. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: ...

NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 07. Mẫu dấu phê duyệt thiết kế xây dựng**MẪU DẤU PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

(Kích thước mẫu dấu: chiều rộng từ 4cm đến 6cm; chiều dài từ 6 cm đến 9 cm)

MẪU DẤU XÁC NHẬN PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG

(TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH)
PHÊ DUYỆT Theo Quyết định số/..... ngày tháng năm 20..... Người đại diện cơ quan thẩm định ký tên: